

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Trần Thị Lê Na

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 02, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. ***Có mặt***

2. ***Bị đơn:*** Anh Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1992; Thôn 06, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. ***Vắng mặt.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-4-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Ngọc T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban Nhân dân xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2016 ngày 12-12-2016). Thời gian đầu chị và anh Huỳnh Ngọc T1 chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó chị

và anh T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, hay cãi nhau nên những mối bất hoà ngày càng xảy ra thường xuyên, anh T1 là người sống không có trách nhiệm với gia đình, hay gây sự vô cớ, đánh đập và ngược đãi chị trong khi chị đang mang thai dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày phai nhạt, hôn nhân thật sự không có hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2018 chị và anh T1 đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của chị đối với anh T1 không còn yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau, nếu tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, nên chị yêu cầu được ly hôn anh Huỳnh Ngọc T1.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Huỳnh Ngọc T1 có 01 con chung là cháu Huỳnh Khánh A, sinh ngày 10-11-2018, hiện cháu A đang ở với chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Khánh A, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Huỳnh Ngọc T1 và có nguyện vọng được nuôi cháu Huỳnh Khánh A, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai đề ngày 03-6-2019, tại buổi hòa giải ngày 03-6-2019 bị đơn anh Huỳnh Ngọc T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày là đúng. Thời gian đầu mới cưới anh và chị T chung sống hạnh phúc. Nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trước đây chị T đã có một đời chồng nên mọi người xung quanh thường hay bàn tán vì vậy anh buồn, thường hay uống rượu, cáu gắt vợ con và có đánh chị T một lần, thời gian sau này anh cũng đã cố gắng sửa đổi tính cách, nhưng vì anh gặp nhiều chuyện rắc rối phía gia đình anh nên hơi bất mãn, đối xử không hay và hẹp hòi với vợ, tuy nhiên anh rất thương vợ mong muốn đoàn tụ. Nay anh nhận thấy lỗi lầm của mình đối với vợ con, anh mong muốn chị T tha thứ và hứa sửa đổi bản thân, hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Huỳnh Khánh A, sinh ngày 10-11-2018, hiện cháu A đang ở với chị T, do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Biên bản xác minh ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại thôn 06, xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh T1 và chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 06, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh T1 không có việc làm ổn định dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện nay chị T anh T1 mỗi người sống một nơi, chị T về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 02, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai sinh sống từ cuối năm 2018 cho đến nay.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T1.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Khánh A, sinh ngày 10-11-2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Huỳnh Ngọc T1, có nơi cư trú tại thôn 06, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do đó, thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Huỳnh Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì

vậy, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Huỳnh Ngọc T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và Huỳnh Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 12-12-2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Huỳnh Ngọc T1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 là người sống không có trách nhiệm với vợ con, hay gây sự vô cớ, đánh đập và ngược đãi chị, còn anh T1 thừa nhận khi cưới chị T, chị T có một đời chồng, mọi người xung quanh hay bàn tán vì vậy anh buồn, thường hay uống rượu, cẩu gắt vợ con và có đánh chị T một lần, chị T nhiều lần khuyên nhủ và tha thứ cho anh T1 nhưng anh T1 không sửa đổi bản thân chăm lo gia đình, gia đình hai bên nhiều lần hoà giải, hai vợ chồng không thể khắc phục được, nên vợ chồng chị ly thân từ cuối năm 2018 đến nay.

[4] Tại phiên toà, chị T xác định tình cảm của chị đối với anh T1 không còn yêu thương, quý trọng, chị đã nhiều lần tha thứ cho anh T1 nhưng anh T1 không nắm bắt cơ hội xây dựng hạnh phúc; anh T1 cũng thừa nhận khi nghe lời ra tiếng vào đối với chị T nên không làm chủ được bản thân dẫn đến thường xuyên uống rượu và có đánh chị T, nay anh nhận thấy lỗi lầm của mình mong vợ tha thứ vì anh vẫn còn tình cảm và được hàn gắn với chị T để có điều kiện sửa đổi tính cách và chăm sóc vợ con, nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Tuy nhiên, kể từ ngày hòa giải đến nay anh T1 vẫn không có động thái nào để níu kéo mối quan hệ hôn nhân này được tồn tại. Theo kết quả xác minh tại thôn 06, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh T1 không có việc làm ổn định dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện nay chị T anh T1 mỗi người sống một nơi, chị T về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 02, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai sinh sống từ cuối năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, Toà án có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con chung: Chị T và anh Huỳnh Ngọc T1 có 01 con chung là cháu Huỳnh Khánh A, sinh ngày 10-11-2018, hiện cháu A đang ở với chị T, tại phiên toà chị T trình bày vì cháu A còn nhỏ chưa được 36 tháng tuổi nên khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Khánh A. Xét thấy, Chị T có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, hiện nay cháu Huỳnh Khánh A dưới 36 tháng tuổi đang ở với chị T nên cần giao cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc chị T không yêu cầu là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Hồng T ly hôn anh Huỳnh Ngọc T1.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Huỳnh Khánh A, sinh ngày 10-11-2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên

lai số 0001352 ngày 19-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Công Tôn